

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/DS-ST
Ngày: 17-10 -2024.
V/v Đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà PHẠM YẾN NHƯ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà ĐẶNG THỊ HIỆP
- Ông CAO ĐÌNH NHÂN

- **Thư ký phiên toà:** Ông MAI VŨ HOÀI PHƯƠNG - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà:** Ông PHẠM VĂN BẢNG - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2021, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-DS ngày 15/01/2024 và Thông báo về việc dời thời gian, địa điểm mở lại phiên toà, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị T** – Sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 45, T, Thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm đồng.

Bà T uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn K, xã R, huyện D, tỉnh Lâm Đồng là người đại diện; theo văn bản uỷ quyền ngày 09.06.2023.

- **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị K** – Sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 04/11, Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Phạm Thị Minh B – Sinh năm 1983; Địa chỉ: Gần nhà thờ G, thành phố

L, tỉnh Lâm đồng.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trương Thị E, sinh năm 1960; Địa chỉ: Đường P, Thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm đồng

2. Bà Cao Thị H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Đường V, Thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm đồng.

Tại phiên tòa ông P có mặt; Bị đơn bà K vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Minh B vắng mặt; Người làm chứng bà Trương Thị E có mặt, bà Cao Thị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Do tôi và bà K là đồng hương. Bà K biết tôi là người hay chơi huê để hốt chót kiểm lời nên khoảng từ tháng 01/2020 cho tới đầu năm 2021 bà K hỏi tôi có chơi huê chỗ bà không, nhà cái chỗ bà chơi uy tín và có lời lắm nên tôi đồng ý. Tôi tin tưởng đưa tiền cho bà K chơi giùm 4 dây huê nhằm mục đích hốt chót kiểm tiền sinh lời. 04 dây huê tôi đóng tiền cho bà K chơi giùm cụ thể như sau:

Dây huê tuần 2.000.000đ (hai triệu đồng) tôi tham gia 02 phần đã đóng được 18 kỳ.

Dây huê 5.000.000đ (năm triệu đồng) 10 ngày xổ huê 1 lần, tôi tham gia 03 phần đã đóng được 14 kỳ.

Dây huê 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) hàng tháng tôi tham gia 01 phần đã đóng được 12 kỳ.

Dây huê tuần 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) hàng tháng tôi tham gia 01 phần đã đóng được 7 kỳ.

Toàn bộ các dây huê trên đều do bà Nguyễn Thị K đứng tên và tôi cũng chưa hốt vì muốn hốt chót kiểm tiền lời. Quá trình đóng tiền khi xổ huê thì bà K là người thông báo để tôi đóng tiền. Khi tôi đóng tiền cho bà K có bà Trương Thị E và bà Cao Thị H là những người biết rõ sự việc tôi đưa tiền cho bà K đóng huê vì những người này thường xuyên đi cùng tôi đến nhà K đưa tiền huê.

Đến khoảng đầu năm 2021 bà K có thông báo với tôi là các dây huê ngừng chơi thì tôi có yêu cầu bà K phải tính tiền huê cho tôi vì tôi chỉ biết bà K, còn người khác tôi không biết thì bà K nói với tôi cứ yên tâm, nhà cái chị chơi uy tín lắm, để chị tính sổ huê với em rồi lấy tiền nhà cái đưa em.

Sau đó bà K tính toán số tiền huê với tôi. Tôi có yêu cầu bà K thanh toán cho tôi số tiền 732.000.000đ (bảy trăm ba mươi hai triệu đồng). Tuy nhiên bà K chỉ đồng ý

515.000.000đ (Năm trăm mười lăm triệu đồng) và nói sẽ cầm sổ huê lên nhà cái lấy tiền đưa cho tôi.

Tuy nhiên khi bà K mang sổ huê lên nhà cái thì đột nhiên bà K lại đùn đẩy trách nhiệm, nghĩa vụ trả tiền cho tôi sang cho nhà cái huê nên chị em xảy ra tranh chấp.

Tôi khởi kiện yêu cầu bà K phải trả 732.000.000đ. Tuy nhiên trước đây bà K và tôi chỉ xác nhận số tiền tôi đã đưa cho bà K là 515.000.000đ (Năm trăm mười lăm triệu đồng) nên tôi chấp nhận và nay yêu cầu bà Nguyễn Thị K phải trả cho tôi số tiền 515.000.000đ (Năm trăm mười lăm triệu đồng) lúc bà K tính toán với tôi như đã ghi nhận ở vi bằng thừa phát lại. Yêu cầu Toà án nhân dân Huyện Đ buộc bà Nguyễn Thị K phải trả cho tôi số tiền 515.000.000đ (Năm trăm mười lăm triệu đồng).

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: (Theo bản tự khai)***

Tôi và bà T cùng chơi huê với nhà cái trên L với những dây huê sẽ đóng tiền ngay. Chị em cùng đi sổ huê và đóng tiền nên không cầm giấy tờ gì. Tôi không phải là người cầm cái huê. Thực tế bà T đã hốt bao nhiêu dây huê ở L. Có những tháng bà T bận không đi đóng huê được gửi tiền nhờ tôi đóng dùm.

Số tiền 732.000.000đ bà T kiện tôi là hoàn toàn không đúng sự thật. Số tiền này tôi không liên quan gì. Do ảnh hưởng dịch covid nên nhà cái tạm dừng vài tháng, sau đó tiếp tục chơi bình thường. Nhà cái không xù tiền huê của ai hết.

**** Người làm chứng, bà E và bà H trình bày:***

Chúng tôi có biết việc chơi huê giữa cô Nguyễn Thị T và cô Nguyễn Thị K ở thôn P, xã H vào năm 2020, như lời cô ThTuyết là hoàn toàn có thật chính tôi cũng hay là người đi cùng cô T trong những lần đóng tiền huê cho cô T, cô T và cô K chơi nhiều loại huê như: Huê tuần, huê tháng ... và cô T đóng các dây huê này rất sòng phẳng và kịp thời. Tuy nhiên theo chúng tôi được biết thì khi kết thúc các chân huê đến kỳ thanh toán thì cô K cứ nại hết lý do này đến lý do khác chây ỳ không chịu thanh toán tiền cho cô T, giữa hai người cũng có lời qua tiếng lại, hiện tại theo tôi được biết thì cô Thủy đã khởi kiện cô K ra Tòa án huyện Đ, bản thân chúng tôi sẵn sàng đứng ra làm nhân chứng cho cô Nguyễn Thị T về toàn bộ số tiền huê mà cô Thủy đã khởi kiện cô Nguyễn Thị K, ngoài ra chúng tôi không còn trình bày gì thêm và cam đoan về những lời khai của mình trước Pháp luật.

Tòa án tiến hành đối chất và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà K vắng mặt nên không thành.

Đối với bà Phạm Thị Minh B, bà K không cung cấp họ tên, địa chỉ chính xác, Toà án đã tiến hành triệu tập, uỷ thác, xác minh nhưng không được,

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bà Nguyễn Thị K phải trả cho bà T số tiền 515.000.000đ (Năm trăm mười lăm triệu đồng). Bà K vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát huyện Đ phát biểu:*

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, thực hiện đúng các yêu cầu về trình tự thủ tục từ khai mạc phiên tòa, thủ tục xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 68, 70, 71 BLTT dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, buộc bà Nguyễn Thị K phải trả cho bà T số tiền 515.000.000đ (Năm trăm mười lăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “*Tranh chấp đòi tài sản*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn bà Nguyễn Thị K. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị K vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Thanh.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện thì bà T yêu cầu bà K trả số tiền 732.000.000đ nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa rút một phần yêu cầu 217.000.000đ, nay yêu cầu bà K phải trả 515.000.000đ (Năm trăm mười lăm triệu đồng) nên đình chỉ đối với yêu cầu 217.000.000đ.

Xét yêu cầu đòi 515.000.000đ, nhận thấy quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị K thừa nhận có rủ bà T chơi huê và có nộp dùm khi bà Thuý bạn không đi được. Tuy nhiên về phần trả nợ các bên tranh chấp đến bà T khởi kiện ra Tòa án yêu cầu buộc bà K phải trả 515.000.000đ.

Bà T cung cấp chứng cứ chứng minh là vi bằng số 1423/2021/VB-TPL ngày 4/11/2021 do Thừa phát lại Thành phố L lập, thể hiện nội dung các bên thỏa thuận

“Bà K là người nhận tiền từ bà T, bà K trực tiếp đem lên L chơi huê với bà M...mỗi lần 7.400.000đ...Bà K được bà M cho 5.000đ-10.000đ/ 1.000.000đ. Bà T và bà K đã ngồi tính sổ với nhau chốt số tiền bà T đã đưa bà K chơi huê giùm là 515.000.000đ. Khi bà K đem sổ lên tính với bà M thì bà M không đồng ý số tiền chốt lại là 515.000.000đ....”

Qua bản tự khai của bà K, lời trình bày của người làm chứng và nội dung của vi bằng xác định được bà T có đưa tiền nhờ bà K trực tiếp chơi huê dùm cho bà T là có thật, số tiền chốt lại mà bà K công nhận đã nhận của bà T là 515.000.000đ. Bà T và bà M không liên quan gì với nhau, chỉ khi bà T yêu cầu trả số tiền 515.000.000đ thì bà K mới bảo bà T đi gặp trực tiếp bà M để lấy tiền, hơn nữa việc đóng huê cho bà T bà K không chứng minh được. Do đó bà K phải có trách nhiệm trả lại cho bà Thuỷ số tiền đã nhận. Bà K được quyền khởi kiện bà Minh B và sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Đối với bà Phạm Thị Minh B trong vụ án này không có quyền và nghĩa vụ gì.

[4] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T là có căn cứ nên cần buộc bị đơn bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 515.000.000đ là phù với quy định tại Điều 166 BLDS 2015.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà T. Tuy nhiên bà K là người cao tuổi, vì vậy miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà K là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Hoàn trả tạm ứng án phí cho bà Thuỷ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 166, Điều 357, của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 515.000.000đ (Năm trăm mười lăm triệu đồng).

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu 217.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Về án phí: Hoàn trả bà Nguyễn Thị T 16.640.000đ án phí đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006894 ngày 17/8/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THA dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo, bà Nguyễn Thị K vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAT LĐ
- VKSND H.Đ
- Chi cục THADS H.Đ
- Các đương sự
- Lưu HS, lưu AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Yến Như